

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-7-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TL, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn TD, xã HN, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M , nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30-10-2008 tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận thời gian gần thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm

dẫn đến bất hòa. Từ năm 2010 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M .

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là Nguyễn Hải A , sinh ngày 01-9-2009. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh Nguyễn Văn M .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn M xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Chị T đã bỏ đi từ năm 2010 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là Nguyễn Hải A , sinh ngày 01-9-2009, hiện nay đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị T .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M . Về con chung: Giao con Nguyễn Hải A , sinh ngày 01-9-2009 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi

con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh M tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại Thôn TL, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh M vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 30-10-2008, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn với anh M. Qua xác minh thì thấy vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, từ năm 2010 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M có một con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 01-9-2009. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án

giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, anh M có nguyện vọng được nuôi con. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh M có nơi ở và thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung, mặt khác cháu Nguyễn Hải A có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của anh chị, giao con Nguyễn Hải A, sinh ngày 01-9-2009 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh M tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải A, sinh ngày 01-9-2009 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0017582 ngày 29 tháng 4 năm 2021. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã ĐM huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền